

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẢI PHÁP TRỰC TUYẾN THÀNH TÍN
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN GIẢI PHÁP TRỰC TUYẾN THÀNH TÍN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: THANH TIN SOLUTION JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0108070154

3. Ngày thành lập: 23/11/2017

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 2 ngách 63/33/49 Lê Đức Thọ, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0942942222

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính)	7730
2.	Đại lý du lịch	7911
3.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
4.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
5.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
6.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
7.	Dịch vụ đóng gói	8292
8.	Bán buôn gạo	4631
9.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
10.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
11.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
12.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
13.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
14.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
15.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
16.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730

17.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
18.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
19.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
20.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
21.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
22.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
23.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ hoa, cây cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ vàng, bạc, đá quý và đá bán quý, đồ trang sức trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ dầu hỏa, ga, than nhiên liệu dùng cho gia đình trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ đồng hồ, kính mắt trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ máy ảnh, phim ảnh và vật liệu ảnh trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ xe đạp và phụ tùng trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ hàng hóa khác mới chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
24.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
25.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ Chi tiết: Bán lẻ mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh lưu động hoặc tại chợ Bán lẻ hàng gốm sứ, thủy tinh lưu động hoặc tại chợ Bán lẻ hoa tươi, cây cảnh lưu động hoặc tại chợ Bán lẻ hàng hóa khác chưa được phân vào đâu, lưu động hoặc tại chợ	4789
26.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô (Điều 9 Nghị định 86/2014/NĐ-CP Về Kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô);	4933
27.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
28.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
29.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
30.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621

31.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
32.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
33.	Cổng thông tin	6312
34.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
35.	Quảng cáo	7310
36.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý, môi giới	4610
37.	Bán buôn thực phẩm	4632
38.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
39.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
40.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
41.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
42.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
43.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
44.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ	5221
45.	Bốc xếp hàng hóa	5224
46.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
47.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
48.	Lập trình máy vi tính	6201
49.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
50.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
51.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
52.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo	4634
53.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
54.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
55.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
56.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920
57.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
58.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652

59.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp) Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh Bán buôn cao su Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại Bán buôn chuyên doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu	4669
60.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
61.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
62.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
63.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
64.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
65.	Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác	8129
66.	Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi	8220
67.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230(Chính)
68.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
69.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh (không bao gồm hoạt động đấu giá)	4774
70.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (không bao gồm hoạt động đấu giá).	8299
71.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
72.	Cho thuê băng, đĩa video	7722
73.	Điều hành tua du lịch	7912
74.	Bán buôn đồ uống	4633
75.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
76.	Hoạt động của trụ sở văn phòng	7010
77.	Cho thuê xe có động cơ	7710

6. Vốn điều lệ: 1.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	VŨ NHẬT MINH	Thôn Phương La 2, Xã Thái Phương, Huyện Hưng Hà, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	3.000	30.000.000	3,000	151887374	
			Tổng số	3.000	30.000.000	3,000		
2	NGUYỄN VĂN SÁNG	Thôn Phương Luật, Xã Đồng Lạc, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	3.000	30.000.000	3,000	017321501	
			Tổng số	3.000	30.000.000	3,000		
3	NGUYỄN THẢO ANH	Số 1 ngõ 205/207 Tổ dân phố Nhang, Phường Xuân Đình, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	3.000	30.000.000	3,000	C0227983	
			Tổng số	3.000	30.000.000	3,000		
4	NGUYỄN THANH TÙNG	Xóm 16, Tổ 17, Phường Lĩnh Nam, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	3.000	30.000.000	3,000	001094010293	
			Tổng số	3.000	30.000.000	3,000		
5	NGUYỄN ĐỨC TOÀN	Khu vực Xã Tắc, Phường Trung Hưng, Thị Xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	3.000	30.000.000	3,000	017325025	
			Tổng số	3.000	30.000.000	3,000		
6	VĂN THÀNH TÍN	Số 8 ngõ Huy Văn, Phường Văn Chương, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	64.000	640.000.000	64,000	001092005937	
			Tổng số	64.000	640.000.000	64,000		
7	NGUYỄN HOÀI NAM	Số 132 Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	3.000	30.000.000	3,000	C2614126	
			Tổng số	3.000	30.000.000	3,000		

8	NGUYỄN HẢI DƯƠNG	Tổ 21, Phường Ngọc Thụy, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	3.000	30.000.000	3,000	001093003851	
			Tổng số	3.000	30.000.000	3,000		
9	TÔ THỊ KHUYẾN	Đội 3, Xã Xuân Vinh, Huyện Xuân Trường, Tỉnh Nam Định, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	3.000	30.000.000	3,000	163257158	
			Tổng số	3.000	30.000.000	3,000		
10	HỒ NGỌC QUYẾT	Xóm Đồng Tâm, Xã Quỳnh Bảng, Huyện Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	3.000	30.000.000	3,000	187489167	
			Tổng số	3.000	30.000.000	3,000		
11	NGUYỄN THẾ HÙNG	Số 63 ngõ 143 phố chợ Khâm Thiên, Phường Trung Phụng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	3.000	30.000.000	3,000	001087000351	
			Tổng số	3.000	30.000.000	3,000		
12	NGUYỄN ANH TÚ	48 phố Trần Nhân Tông, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	3.000	30.000.000	3,000	001088009809	
			Tổng số	3.000	30.000.000	3,000		
13	NGUYỄN LÊ HÙNG	Số 418, Tổ 9 Trường Chinh, Phường Đồng Xuân, Thị xã Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	3.000	30.000.000	3,000	135479099	
			Tổng số	3.000	30.000.000	3,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: **VĂN THÀNH TÍN**

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *18/11/1992*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *001092005937*

Ngày cấp: *09/07/2015*

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát ĐKQL Cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 8 ngõ Huy Văn, Phường Văn Chương, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 8 ngõ Huy Văn, Phường Văn Chương, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội